TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/DS-PT
Ngày: 29 – 01 – 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà

Bà Đỗ Thị Thắm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc *"tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 250/2023/QĐXXPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn M, sinh năm 1955 (có mặt).
Trú tại: Xóm D, T, Bình Thuận, T, Bình Định.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956 (có mặt).
Địa chỉ: Xóm E, T, Bình Thuận, T, Bình Định.

- *Người có quyền lợi ngĩa vụ liên quan:*

1. UBND xã B, huyện T, tỉnh Bình Định.
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến D - Phó chủ tịch UBND xã B (vắng mặt).
2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1972 (có mặt).
3. Bà Đinh Thị N (có đơn vắng mặt)
4. Bà Lê Thị T1 (có đơn vắng mặt)
5. Lê Thị V (có đơn vắng mặt)
6. Ông Nguyễn Tứ V1, sinh năm 1980 (có mặt).

7. Chị Nguyễn Thị Bé C, sinh năm 1995 (có đơn vắng mặt).

8. Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1991 (có mặt).

9. Anh Nguyễn Việt C1 (có mặt).

10. Bà Bùi Thị C2, sinh năm 1958 (có đơn vắng mặt).

Cùng cư trú: thôn T, xã B, huyện T, Bình Định.

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn M trình bày:

Nguyên thửa đất số 88, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.500m^2 có nguồn gốc là chú ông là ông Tạ Kim H1 cho ông khai thác sử dụng từ năm 1965 đến nay. Thửa đất có tứ cận như sau:

+ Đông giáp đất vườn ông Ngô Văn N1;

+ Tây giáp vườn bà Nguyễn Thị H;

+ Nam giáp đường rộng 03m;

+ Bắc giáp đất thửa 87 (hiện bà H đang canh tác);

Giữa các thửa đất tứ cận với thửa đất của ông có hàng rào ngăn cách là cây sống. Ông canh tác liên tục từ đó đến nay.

Năm 1993 thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ ông đại diện hộ gia đình đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên và được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 88, tờ bản đồ số 03, diện tích 2.500m^2 (nay là thửa đất số 167 và thửa 95, tờ bản đồ số 41), gồm: 200m^2 đất ở và 2.300m^2 đất vườn tọa lạc tại thôn T, xã B, huyện T, Bình Định (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 884QSDĐ/H4 ngày 08/5/1998 do UBND huyện T cấp). Vì vào thời điểm cấp đất tổ giao quyền không dẫn ra thửa đất chỉ mốc giới nên kông xác định được chính xác ranh giới đất của mình nên chỉ canh tác trong phạm vi tự xác định. Đến năm 2015 khi gia đình có yêu cầu, cán bộ địa chính xã tới đo đạc lại và thông báo cho ông biết thửa đất của ông còn một phần diện tích mà bà H đã bao chiếm canh tác (tức là trước nay bà H sử dụng một phần diện tích đất đã được cấp cho hộ ông).

Nay ông yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả lại phần diện tích đất mà bà H đang khai thác sử dụng là 295m^2 nằm (phía Bắc) trong thửa đất số 88, tờ bản đồ số 03, diện tích 2500m^2 (nay là thửa đất số 167 và thửa 95, tờ bản đồ số 41) thuộc quyền sử dụng của hộ ông để hộ ông toàn quyền sử dụng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ hộ gia đình bà đăng ký kê khai quyền sử dụng ruộng đất và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trong đó có thửa đất có nhà ở (nằm liền kề thửa đất số 88 của ông Nguyễn M) là thửa đất số 89, tờ bản đồ số 02 diện tích 6.200m^2; nguồn gốc đất là do bà nhận đất của ông bà để lại nhập với diện tích thửa đất bà mua của vợ chồng ông Nguyễn Đ, bà Đỗ Thị Q. Giới cận: Đông giáp nhà đất Ngô C3 (cháu Ngô Văn N2), Nguyễn M; Tây giáp nhà Nguyễn C4; Nam giáp đất Phạm Đ1; Bắc giáp đất T. Bà còn sử dụng một khu

vườn (đất do ông bà để lại) nằm kề phía Bắc thửa đất 88 của ông Nguyễn M. Từ trước đến nay bà vẫn quản lý sử dụng vườn đất trên và không tranh chấp gì với ai. Nay hộ ông M yêu cầu bà trả đất nằm trong khu vườn này với diện tích 295m^2 thì bà không đồng ý vì hai khu đất này trước giờ được ngăn cách bởi bờ tre, sau này con trai bà là Lê Văn T mới phá ra làm hàng rào ngăn cách. Bà yêu cầu nếu Nhà nước đo đạc mà dư đất thì bà nộp thuế cho nhà nước để cấp cho bà chứ không đồng ý trả cho ông M (vì trên đất có mả mồ của ông bà của bà). Bà thừa nhận quá trình đăng ký kê khai xin cấp đất thì hộ gia đình bà không có đăng ký kê khai đối với thửa đất số 88.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị C2 trình bày: bà là vợ ông Nguyễn M, bà thống nhất như lời khai và yêu cầu của ông Nguyễn M đã trình bày về nguồn gốc, quá trình sử dụng và yêu cầu của ông M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tứ P, Nguyễn Thị Bé C, Nguyễn Thị G, Nguyễn Việt C1 trình bày: Các anh chị là con ông Nguyễn M, bà Bùi Thị C2. Các anh chị thống nhất như lời khai và yêu cầu của ông Nguyễn M, các anh chị không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày: Ông là con của bà Nguyễn Thị H, ông thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà H, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị N, bà Lê Thị T1, bà Lê Thị V không đến tòa nên không có lời khai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND xã B trình bày:

Năm 1995, thực hiện Nghị định số 64/CP của Chính phủ, UBND xã B đã thành lập Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận QSD ruộng đất và xây dựng đề án nguyên tắc giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài đến hộ nông dân và đã được UBND huyện T phê duyệt theo Quyết định số 220/QĐ-UB ngày 26/9/1995. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận QSD ruộng đất tiến hành cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất cho các hộ gia đình, cá nhân trên toàn địa bàn xã trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn M được cân đối giao quyền thửa đất số hiệu 88, tờ bản đồ 03, diện tích 2.500m^2 (chưa tiến hành giao đất tại thực địa). Đến năm 2004, thực hiện đo đạc theo lưới tọa độ quốc gia VN B thì thửa đất số hiệu 88, tờ bản đồ số 03 được đo thành 02 thửa, cụ thể:

- Thửa số hiệu 167, tờ bản đồ số 41, diện tích 1.699m^2 (nằm phía nam);

- Thửa số hiệu 95, tờ bản đồ 41, diện tích 1.489m^2 (liền kề thửa 167).

Sau khi xảy ra việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn M và bà Nguyễn Thị H liên quan đến thửa đất số hiệu 88, tờ bản đồ số 03, Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn tiến hành xem xét định giá và xác định diện tích thực tế thửa đất số 88 mà hộ ông M đang sử dụng là 2.205m^2, so với diện tích trên giấy chứng nhận QSD đất (2.500m^2) thì còn thiếu là 295m^2.

Đối chiếu kích thước, sơ đồ thửa đất trên bản đồ dịa chính và thực tế đối với thửa đất số 88 (mới là 167 và 95) thì diện tích thiếu 295m^2 là nằm trong thửa đất số 88 (mới thửa 167 và 95) và diện tích đất thiếu 295m^2 này không liên quan đến đất UBND xã quản lý. Thửa đất số 87 mới là đất do UBND xã quản lý.

Về hướng giải quyết đối với tranh chấp nói trên: Căn cứ nguồn gốc đất và quy định của pháp luật hiện hành, Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xem xét giải quyết.

* UBND huyện T có ý kiến (theo văn bản số 92/TNMT-QLĐĐ ngày 10/5/2022):

1. Theo hồ sơ địa chính thực hiện theo bản đồ 299: Thửa đất số hiệu 88, tờ bản đồ 03, diện tích 2.500m^2 (200m^2 đất ở, 2.300m^2 đất vườn) thuộc thôn T, xã B, huyện T đã được cấp cho hộ bà Bùi Thị C2 và ông Nguyễn M theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ. Việc giao đất cho hộ gia đình và cá nhân theo Nghị định 64/CP là giao theo đề án nguyên tắc chung do Hội đồng giao quyền sử dụng ruộng đất xã B xác lập. Tại thời điểm đó hộ bà Bùi Thị C2 và ông Nguyễn M có hộ khẩu tại địa phương và đang sử dụng đất, có điều kiện giao đất, nên được UBND xã B cân đối giao quyền sử dụng thửa đất nêu trên.

2. Bà Nguyễn Thị H không có đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 88, tờ bản đồ 03, thuộc thôn T, xã B, T.

3.Về cung cấp hồ sơ: Không phải cơ quan lưu trữ nên không có hồ sơ để cung cấp cho Tòa.

4. Thửa đất số hiệu 88, tờ bản đồ 03, diện tích 2.500m^2: Theo bản đồ hệ Tọa độ chính quy VN 2000 được tách ra thành 02 thửa gồm:

- Thửa đất số 167, tờ bản đồ số 41, diện tích 1.699m^2;
- Thửa đất số 95, tờ bản đồ 41, diện tích 1.489m^2.

Tổng diện tích 02 thửa nêu trên là: 3.188m^2.

5. Về hình thể diện tích thửa đất:

- Hình thể thửa đất: Thửa đất số 167 và thửa đất số 95 (theo bản đồ VN B) có sự thay đổi về hình thể so với thửa đất số 88 (theo bản đồ 299).
- Diện tích đo đạc theo bản đồ VN B tăng so diện tích theo bản đồ 299, cụ thể: 3.188m^2 - 2.500m^2 = 688m^2. Lý do tăng diện tích: Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 41 (bản đồ VN 2000) đo bao một phần diện tích (688m^2) của thửa đất số 87 (bản đồ 299), loại đất chưa sử dụng.

6. Đối với việc hộ ông Nguyễn Minh k đòi hộ bà Nguyễn Thị H giao trả lại phần đất lấn chiếm 295m^2: đề nghị Tòa án nhân dân huyện giải quyết theo quy định của pháp luật.

Biên bản định giá ngày 30/5/2021 xác định: Thửa đất số hiệu 88, tờ bản đồ 03, diện tích 2.500m^2 tại thôn T, xã B, huyện T thực tế hộ ông Nguyễn M canh tác có diện tích là: 2.205m^2 (dài: 107m; rộng nam: 21,3m; rộng bắc: 20m); so với diện tích trên giấy chứng nhận QSD đất (2.500m^2) còn thiếu 295m^2 (14,75m x 20m), trên phần đất này chỉ có cỏ, không có cây cối hay mồ mả, công trình gì khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định, tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn M:

Buộc hộ bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn T, bà Đinh Thị V2 phải giao trả diện tích 295m^2 đất (nằm phía Bắc) thuộc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 03 (tại thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định) cho hộ ông Nguyễn M, bà Bùi Thị C2 toàn quyền sử dụng.

(có sơ đồ, bản vẽ kèm theo).

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn T về việc không chấp nhận giao trả diện tích đất nêu trên, nại rằng đây là đất do ông bà để vì không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 09/8/2022 bị đơn bà Nguyễn Thị H, kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào bản đồ 299 và VN B thì hình dạng các thửa đất 88 của ông M và thửa 89 của bà H có sự khác biệt nhưng cấp sơ thẩm chưa thu thập giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hồ sơ kỷ thuật thửa đất để xác định phần đất ông M bị thiếu do đo đạc hay vì lý do khác.

Theo bản đồ 299 không có thửa đất 95 nhưng theo bản đồ VN 2000, thửa đất 89 của bà H tiếp giáp với thửa 95, là loại đất chưa sử dụng bà H khai nhận sử dụng thửa đất này từ trước năm 1993. Tòa án chỉ căn cứ hiện trạng xem xét tại chổ, căn cứ vào trả lời của UBND huyện để xác định phần đất còn thiếu của ông M 295m^2 (một phần thửa 95 bà H đang sử dụng) để buộc trả lại đất cho ông M mà không có tài liệu chứng cứ khác là thiếu cơ sở vững chắc. Xét thấy cần phải thu thập hồ sơ cấp đất thửa 89 của bà H, đồng thời phải đo đạt thửa đất 89 và thửa đất bà H đang sử dụng có phần đất đang tranh chấp? Đồng thời xác minh nhân khẩu tại thời điểm cấp đất hộ bà H để đưa đầy đủ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng.

Từ những căn cứ nêu trên, để có căn cứ giải quyết vụ án, đề nghị TAND tỉnh Bình Định cần thu thập thêm tài liệu, chứng cứ , căn cứ Điều 304 BLTTDS, đề nghị TAND tỉnh Bình Định tạm ngưng phiên tòa để tiến hành thu thập thêm tài liệu chứng cứ giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị N, bà Lê Thị T1, bà Lê Thị V, chị Nguyễn Thị Bé C, bà Bùi Thị C2, UBND xã B vắng mặt (bà N, bà T1, bà vân, chị C, bà C2 có đơn

yêu cầu xét xử vắng mặt). Đây là phiên tòa mở lần thứ hai nên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Thửa đất số hiệu 88, tờ bản đồ 03, diện tích 2.500m^2 (200m^2 đất ở, 2.300m^2 đất vườn) thuộc thôn T, xã B, huyện T đã được cấp cho hộ bà Bùi Thị C2 và ông Nguyễn M theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ. Đến năm 2004 thực hiện đo đạc theo lưới tọa độ quốc gia VN 2000 thì thửa đất số 88 được tách ra làm 02 thửa gồm: Thửa đất số 167, tờ bản đồ số 41, diện tích 1.699m^2; Thửa đất số 95, tờ bản đồ 41, diện tích 1.489m^2. Tổng diện tích 02 thửa là: 3.188m^2. Thửa đất số 88 có tứ cận: Đông giáp đất vườn ông Ngô Văn N1; Tây giáp đất bà Nguyễn Thị H; Nam giáp đường rộng 03m; Bắc giáp thửa đất 87 (hiện bà H đang canh tác)

Theo văn bản số 92/TNMT-QLĐĐ ngày 10/5/2022 của phòng tài nguyên và môi trường huyện T thì diện tích đo đạc theo bản đồ VN 2000 tăng so diện tích theo bản đồ 299, cụ thể: 3.188m^2 - 2.500m^2 = 688m^2. Lý do tăng là vì thửa đất số 95, tờ bản đồ số 41 (bản đồ VN 2000) đo bao một phần diện tích 688m^2 của thửa đất số 87 (bản đồ 299), thửa đất số 87 là loại đất chưa sử dụng do UBND xã B quản lý.

[2.2] Liền kề phía Tây thửa đất số 88 là thửa đất số 89, tờ bản đồ số 03 diện tích 6.200m^2 (có nhà ở) do hộ bà Nguyễn Thị H quản lý sử dụng và đã cấp cho hộ bà H theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ. Thửa đất số 89 có tứ cận: Đông giáp thửa đất 88 (N); Tây giáp nhà Nguyễn C4; Nam giáp đất Phạm Đ1; Bắc giáp đất T.

[2.3] Thực tế hiện nay hộ bà Nguyễn Thị H đang canh tác sử dụng thửa đất số 87 do UBND xã B quản lý và thửa đất số 89 đã cấp cho hộ bà H theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ. Thửa đất số 87, 89 giáp phía Tây và phí B với thửa đất số 88 của hộ ông M. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chỉ xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc thửa đất số 88, hiện nay là thửa số 95 và 167 (theo biên bản thẩm định, định giá tài sản ngày 01/6/2021, bút lục 77) nhưng không xem xét thẩm định và đo đạc hiện trạng thửa đất 87, 89 bà H đang sử dụng là chưa có đủ cơ sở để xác định hộ bà H có sử dụng đất cấp cho hộ ông M hay không.

Mặt khác, thửa đất số 87 do UBND xã B quản lý thực tế do hộ gia đình bà H đang sử dụng. Nhưng theo văn bản số 92/TNMT-QLĐĐ ngày 10/5/2022 của phòng tài nguyên và môi trường huyện T trả lời cho tòa án thì thửa đất số 88 theo bản đồ VN2000 được tách ra 02 thửa gồm: Thửa đất số 167, tờ bản đồ số 41, diện tích 1.699m^2 và thửa đất số 95, tờ bản đồ 41, diện tích 1.489m^2, trong thửa đất số 95 có phần diện tích 688m^2 của thửa đất số 87 do nhà nước quản lý nhưng đã cấp cho hộ ông M. Trong trường hợp này cần thiết phải đưa UBND huyện T là cơ quan có thẩm quyền quản lý và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để giải quyết triệt để vụ án.

[2.4] Phần diện tích đất 295m^2 cấp sơ thẩm tuyên buộc hộ bà H giao trả cho hộ ông M, nhưng thực tế phần diện tích đất này do gia đình bà H quản lý sử dụng ổn định, lâu dài, liên tục từ trước năm 1975 do ông bà để lại có ranh giới là hàng rào ngăn cách với thửa đất ông M sử dụng. Hộ ông M cũng thừa nhận từ trước đến nay

gia đình ông không sử dụng phần đất này cho đến khi xảy ra tranh chấp năm 2015. Đồng thời UBND xã B cũng thừa nhận tại thời điểm giao đất theo nghị định 64 thì chính quyền không tiến hành giao đất tại thực địa nên đã giao nhầm phần diện tích đất 295m^2 do bà H đang sử dụng canh tác hoa màu cho hộ ông M, đây là sai sót khi tiến hành giao đất làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà H. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ nguồn gốc đất trước khi cân đối giao quyền theo nghị định 64, không xác minh quá trình quản lý sử dụng đất qua các thời kỳ cũng như không thu thập đầy đủ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất 88, 89 nhưng lại căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông M để chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của ông M 295m^2 đất là chưa có cơ sở vững chắc.

[2.5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm chưa thực hiện đầy đủ việc thu thập chứng cứ, chứng minh, bỏ xót người tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi các đương sự mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tây sơn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì bà Nguyễn Thị H không phải chịu.

[4] Chi phí tố tụng:

- Chi phí định giá tài sản tại cấp sơ thẩm 3.000.000 đồng do ông Nguyễn M tự nguyện chịu đã nộp xong.

[5] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị đề nghị TAND tỉnh Bình Định tạm ngưng phiên tòa để tiến hành thu thập thêm tài liệu chứng cứ giải quyết vụ án theo quy định pháp luật là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2022/DS-ST ngày 21/7/2022 của Toà án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H2 không phải chịu. Hoàn trả cho bà H2 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0007433 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tây Sơn.

3. Về chi phí tố tụng:

- Chi phí định giá tài sản tại cấp sơ thẩm sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

4. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Tây Sơn;
- Chi cụcTHADS huyện Tây Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Minh Dũng